

TÊN MÔN: ANH NGỮ 4

MÃ MÔN: ENG 2202

Tín chỉ: 2

Học kì: PHỤ

Lần thi: 1

Ngày thi: 03/02/2015

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	60%	100%		
					11								
1	1713219917	Nguyễn Quốc Việt	N17KDN1	5	5	5			5.0	V	0.0	Không	
2	1812719234	Trần Việt Thảo	N18DLK1	6	6	7			6.5	5.5	5.9	Năm phẩy Chín	
3	1812719268	Nguyễn Thị Thùy Trang	N18DLK1	7	6.5	6.5			6.5	V	0.0	Không	
4	1812719303	Trần Thị Kiều Vân	N18DLK1	9	7	7			7.0	5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
5	1812219553	Nguyễn Hoài Bảo Ngọc	N18DLK2	5	5	5			5.0	6.0	5.6	Năm phẩy Sáu	
6	1812719031	Nguyễn Thị Thanh Dung	N18DLK3	5	5	5			5.0	5.0	5.0	Năm	
7	1812719073	Lê Thị Diệu Hiền	N18DLK3	5	5	5			5.0	5.0	5.0	Năm	
8	1812719149	Nguyễn Xuân Phương Ngọc	N18DLK3	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
9	1813719229	Ngô Trương Duy Thành	N18DLK3	7	5	6			5.5	5.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
10	1813719307	Huỳnh Văn Vĩ	N18DLK3	5	5	5			5.0	5.0	5.0	Năm	
11	1813719136	Tôn Thất Mãi	N18DLK4	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
12	1813719181	Hà Ngọc Huy Phong	N18DLK4	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
13	1813719313	Dương Lê Tuấn Vũ	N18DLK4	7	8	8			8.0	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
14	1813719001	Bùi Quý An	N18DLK5	7	6	7			6.5	7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
15	1813719011	Đào Duy Anh	N18DLK5	5	6	5			5.5	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	
16	1813719025	Lê Văn Chiến	N18DLK5	7	6	6			6.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
17	1813719075	Trương Thanh Hiền	N18DLK5	5	5	5			5.0	5.0	5.0	Năm	
18	1813719626	Nguyễn Đình Hiệp	N18DLK5	5	5	5			5.0	6.0	5.6	Năm phẩy Sáu	
19	1813719078	Trương Hoàng Hiếu	N18DLK5	5	5	5			5.0	5.5	5.3	Năm phẩy Ba	
20	1813719097	Phạm Lê Duy Hưng	N18DLK5	8	6.5	6.5			6.5	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
21	1813719128	Nguyễn Hoàng Long	N18DLK5	5	5	5			5.0	6.5	5.9	Năm phẩy Chín	
22	1813719286	Nguyễn Thành Trung	N18DLK5	6	6	6			6.0	5.0	5.4	Năm phẩy Bốn	
23	1813719292	Phan Thành Tuấn	N18DLK5	5	5	5			5.0	5.5	5.3	Năm phẩy Ba	
24	1813719052	Trần Văn Định	N18DLK6	5	5	5			5.0	V	0.0	Không	
25	1813719066	Hồ Việt Hà	N18DLK6	5	5	5			5.0	V	0.0	Không	
26	1813219515	Ngô Lê Ngọc Hoàng	N18KDN2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
27	1813219520	Trần Thanh Hùng	N18KDN2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
28	1812219628	Nguyễn Thị Thiên Hương	N18KDN2	5	5	5			5.0	5.5	5.3	Năm phẩy Ba	
29	1813219616	Phạm Thanh Tùng	N18KDN2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
30	1813119353	Bùi Văn Hà	N18TPM1	7	7	8			7.5	7.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
31	1813119383	Huỳnh Công Khá	N18TPM1	8	7	8			7.5	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
32	1813119421	Nguyễn Văn Phước	N18TPM1	8	6	7			6.5	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	

TÊN MÔN: ANH NGỮ 4

Tín chỉ: 2

MÃ MÔN: ENG 2202

Học kì: PHỤ

Ngày thi: 03/02/2015

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
33	1813719295	Trần Mai Phước Tùng	N18DLK3	6.5	6	6			6.0	5.5	5.8	<i>Năm phẩy Tám</i>	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	23	70%	
2	Số sinh viên nợ	10	30%	
TỔNG CỘNG :		33	100%	

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 02 năm 2015

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân